

Số: 299 /KH-UBND

Tân Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa quy mô lớn trên địa bàn xã Tân Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa quy mô lớn giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 75-KH/ĐU ngày 17/4/2026 của Đảng ủy xã Tân Minh, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng ủy thành các công việc có đơn vị chủ trì, tiến độ, sản phẩm và cơ chế theo dõi; chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang tổ chức sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với chế biến, bảo quản và thị trường, nâng cao thu nhập của người sản xuất.

- Phát huy lợi thế về lúa chất lượng cao, chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản; phát triển vùng rươi, cây kết hợp sản xuất lúa theo hướng hữu cơ phù hợp điều kiện thực tế. Lấy hộ sản xuất, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp làm chủ thể; coi liên kết tiêu thụ và hiệu quả kinh tế là điều kiện quan trọng khi lựa chọn mô hình.

- Tổ chức thực hiện phù hợp quy hoạch, điều kiện đất đai, hạ tầng, môi trường và khả năng cân đối nguồn lực; tích tụ, tập trung đất trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất. Không triển khai mô hình theo phong trào, không sử dụng chỉ tiêu để hợp thức hóa việc chuyển mục đích sử dụng đất hoặc xây dựng công trình không đúng quy định.

- Gắn nhiệm vụ phát triển sản xuất với an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và cải cách thủ tục hành chính. Phân công rõ trách nhiệm; chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn thành phố; kiểm tra bằng hồ sơ, số liệu và kết quả thực tế.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng; hình thành và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Phân đầu xây dựng Tân Minh thành địa phương phát triển mạnh về lúa chất lượng cao,

chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học và nuôi trồng thủy sản thâm canh; thúc đẩy kinh tế nông thôn và mô hình nông nghiệp đa giá trị.

2. Chỉ tiêu đến năm 2030

- Tăng trưởng nông nghiệp, thủy sản bình quân đạt từ 1,8–2%/năm trở lên.
- Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản đạt từ 150 triệu đồng trở lên.
- Diện tích đất tích tụ, tập trung cho sản xuất trồng trọt hàng hóa quy mô lớn đạt từ 15% trở lên; phần đầu có trên 200 ha đất nông nghiệp được tập trung, tích tụ để sản xuất hàng hóa quy mô lớn.
- Duy trì, nâng cao hiệu quả sản xuất thủy sản trên diện tích 308 ha; phần đầu 50–60% diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh.
- Phần đầu trên 20% diện tích thủy sản và trên 20% diện tích rau màu đạt tiêu chuẩn VietGAP hoặc tương đương.
- Phần đầu trên 85% tổng đàn gia cầm được chăn nuôi theo hướng trang trại an toàn sinh học.
- Có thêm ít nhất 01–02 sản phẩm OCOP được công nhận từ 3 sao trở lên; có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp đa giá trị kết hợp sản xuất với dịch vụ, thương mại.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; tăng liên kết với chế biến, bảo quản hiện đại và thị trường trong, ngoài nước. Hình thành các chủ thể sản xuất có năng lực quản trị, ứng dụng công nghệ và thích ứng yêu cầu thị trường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, rà soát hiện trạng và xây dựng dữ liệu quản lý

Tuyên truyền mục tiêu, lợi ích, phương thức tham gia sản xuất tập trung, liên kết chuỗi; phổ biến điều kiện tiếp cận chính sách, quyền và trách nhiệm của người sản xuất. Tổ chức trao đổi tại thôn và với các chủ thể có nhu cầu; cung cấp thông tin rõ ràng, tránh vận động áp đặt.

Rà soát diện tích, hiện trạng sử dụng đất, vùng sản xuất, nguồn nước, giao thông, điện, thủy lợi; số trang trại, hợp tác xã, cơ sở sơ chế, giết mổ, sản phẩm OCOP và chuỗi liên kết. Kiểm tra, cập nhật số liệu 308 ha thủy sản, 45 trang trại chăn nuôi và các số liệu gieo trồng nêu trong Kế hoạch của Đảng ủy trước khi sử dụng làm số liệu gốc. Lập danh sách và sơ đồ vùng có tiềm năng, xác định vướng mắc và nhu cầu đầu tư.

2. Tổ chức các vùng sản xuất hàng hóa tập trung

a) Trồng trọt: Duy trì, nâng cao hiệu quả vùng hiện có; lựa chọn vùng lúa, rau màu phù hợp để tổ chức sản xuất đồng bộ về giống, thời vụ, quy trình, dịch vụ và tiêu thụ. Phát triển mô hình trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp với quy mô tối thiểu 05 ha/mô hình đối với lúa, rau, màu; 03 ha/mô hình đối với hoa, cây cảnh, cây ăn quả; nhà lưới, nhà màng từ 1.000 m²/mô hình theo định hướng Kế hoạch của Đảng ủy. Việc triển khai phải đáp ứng điều kiện thực tế và thủ tục liên quan.

b) Chăn nuôi: Rà soát vùng, trang trại hiện có; hướng dẫn an toàn sinh học, tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc, xử lý chất thải, kiểm soát nguồn giống và ghi chép sản xuất. Tăng liên kết với doanh nghiệp cung cấp đầu vào, giết mổ và tiêu thụ; theo dõi dịch bệnh, phối hợp xử lý kịp thời. Không mở rộng quy mô vượt khả năng xử lý môi trường và điều kiện hạ tầng.

c) Thủy sản: Củng cố vùng nuôi nước ngọt; hướng dẫn thâm canh, bán thâm canh, quản lý giống, thức ăn, môi trường nước và phòng bệnh. Rà soát diện tích lúa kém hiệu quả có nhu cầu chuyển sang nuôi trồng thủy sản để hướng dẫn thủ tục phù hợp từng trường hợp trước khi thực hiện. Phát triển rươi, cáy kết hợp lúa theo hướng hữu cơ, bảo vệ nguồn nước và hệ sinh thái; từng bước chuẩn hóa quy trình, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ.

3. Khai thác quỹ đất và phát triển hạ tầng

Rà soát vùng sản xuất với quy hoạch và định hướng sử dụng đất; hướng dẫn tập trung, tích tụ bằng hình thức phù hợp, có hồ sơ rõ ràng. Đối với đất bỏ hoang hoặc sử dụng không đúng quy định, kiểm tra nguyên nhân, vận động đưa vào sản xuất và xử lý theo trình tự, thẩm quyền; không coi tình trạng bỏ ruộng là căn cứ tự động thu hồi đất.

Lập danh mục nhu cầu giao thông nội đồng, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý chất thải và hạ tầng dùng chung; ưu tiên vùng có chủ thể tổ chức sản xuất, đầu ra và khả năng khai thác bền vững. Phân loại công trình sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mới; xác định nguồn vốn, đơn vị quản lý, chi phí vận hành. Chỉ triển khai sau khi hoàn thiện thủ tục và được bố trí nguồn lực theo thẩm quyền.

Rà soát cơ sở vật chất, công trình và tài sản công chưa sử dụng hiệu quả; đề xuất phương án khai thác phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản khi phù hợp. Việc giao, cho thuê hoặc sử dụng tài sản phải được xem xét riêng theo quy định và thẩm quyền, không thực hiện chỉ trên cơ sở kế hoạch này.

4. Phát triển hợp tác xã, kinh tế trang trại và liên kết chuỗi

Đánh giá hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, lập phương án sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ và kết nối doanh

ngiệp. Khuyến khích tổ chức sản xuất thống nhất quy trình, sử dụng dịch vụ chung, nâng cao khả năng thương lượng và giảm chi phí.

Kết nối chủ thể sản xuất với doanh nghiệp đủ năng lực; thúc đẩy hợp đồng liên kết có nội dung về sản lượng, chất lượng, giá hoặc phương pháp xác định giá, thanh toán, chia sẻ rủi ro và giải quyết tranh chấp. Theo dõi kết quả thực hiện hợp đồng, không chỉ thống kê số biên bản ghi nhớ.

5. Sơ chế, chế biến, bảo quản và phát triển thị trường, OCOP

Tổng hợp nhu cầu sấy, xay xát, sơ chế, đóng gói, kho lạnh và bảo quản; giới thiệu địa điểm phù hợp, hướng dẫn thủ tục cho tổ chức có nhu cầu đầu tư. Đối với giết mổ, phối hợp rà soát hiện trạng, đề xuất phát triển cơ sở tập trung phù hợp, bảo đảm kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và môi trường.

Rà soát sản phẩm OCOP hiện có, thời hạn công nhận, nhu cầu đánh giá lại, nâng hạng và sản phẩm mới; lựa chọn chủ thể có khả năng phát triển để hướng dẫn hồ sơ, chất lượng, bao bì, nhãn và truy xuất nguồn gốc. Kết nối hội chợ, điểm bán, hệ thống phân phối, thương mại điện tử; hỗ trợ chủ thể theo dõi đơn hàng, doanh thu và phản hồi của khách hàng.

6. Khoa học công nghệ, sản xuất an toàn và bảo vệ môi trường

Phối hợp cơ quan chuyên môn, viện, trường và đơn vị khuyến nông hướng dẫn giống, cơ giới hóa, tưới tiết kiệm, quản lý dịch hại, sản xuất an toàn, hữu cơ và tuần hoàn. Lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp thị trường; hướng dẫn ghi chép, đánh giá, chứng nhận và duy trì điều kiện. Phân biệt diện tích được hướng dẫn áp dụng quy trình với diện tích đã được chứng nhận.

Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ mã số vùng trồng, vùng nuôi và truy xuất nguồn gốc khi đáp ứng điều kiện; phối hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Khuyến khích quản lý dữ liệu sản xuất, tái sử dụng phụ phẩm, xử lý chất thải chăn nuôi và nước thải vùng nuôi; tăng kiểm tra sử dụng vật tư, thuốc và hóa chất theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Nông nghiệp đa giá trị, nguồn nhân lực và thu hút đầu tư

Khảo sát mô hình kết hợp sản xuất với dịch vụ, thương mại và trải nghiệm nông nghiệp; lựa chọn ít nhất 01 mô hình khả thi, bảo đảm đất đai, xây dựng, môi trường, an toàn và sự tham gia của người sản xuất. Không đặt mục tiêu xây dựng công trình du lịch khi chưa đáp ứng điều kiện.

Tổ chức tập huấn theo nhu cầu thực tế về kỹ thuật, phòng dịch, an toàn thực phẩm, quản trị hợp tác xã, hợp đồng liên kết và tiếp thị số; phối hợp đào tạo nghề gắn với việc làm. Tổng hợp danh mục cơ hội đầu tư, kết nối doanh nghiệp với vùng sản xuất; hướng dẫn tiếp cận chính sách, nguồn vốn và thủ tục, không cam kết ưu đãi vượt thẩm quyền.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm 2026: Hoàn thành rà soát hiện trạng, bộ số liệu gốc và danh mục vùng, chủ thể, nhu cầu hạ tầng; đề xuất phân kỳ chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2027. Lựa chọn mô hình ưu tiên có nhu cầu tự nguyện, đầu ra, điều kiện đất đai và môi trường; xác định hồ sơ cần hoàn thiện, nguồn lực và đầu mối phối hợp.

2. Năm 2027: Triển khai mô hình được lựa chọn khi đủ điều kiện; tổ chức tập huấn, liên kết tiêu thụ, hướng dẫn sản xuất an toàn và hồ sơ OCOP. Thực hiện nhiệm vụ hạ tầng đã được phê duyệt, bố trí vốn; đánh giá chi phí, hiệu quả, thu nhập và kết quả tiêu thụ để quyết định nhân rộng.

3. Năm 2028: Rà soát mức đạt từng chỉ tiêu, nguyên nhân chậm và giải pháp khắc phục. Nhân rộng mô hình hiệu quả, bổ sung liên kết, nâng cấp hạ tầng và công nghệ phù hợp nguồn lực.

4. Giai đoạn 2029–2030: Tập trung hoàn thành mục tiêu; củng cố chứng nhận, chuỗi liên kết, OCOP, chế biến và thị trường. Tổng kết năm 2030, đánh giá bằng số liệu kiểm chứng; đề xuất nhiệm vụ sau năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, trong dự toán và kế hoạch vốn được giao; lồng ghép chương trình, nhiệm vụ có cùng mục tiêu; nguồn hỗ trợ của cấp trên; vốn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, tín dụng và các nguồn hợp pháp khác.

2. Phòng Kinh tế tổng hợp nhu cầu kinh phí theo từng nhiệm vụ, phân biệt chi thường xuyên, đầu tư công và vốn của chủ thể sản xuất; tham mưu cân đối, trình cấp có thẩm quyền xem xét. Không xác định mức hỗ trợ khi chưa có chính sách và nguồn kinh phí; không huy động đóng góp bắt buộc của người dân.

3. Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, công khai; tránh trùng lặp nội dung hỗ trợ. Đối với phần vốn của chủ thể sản xuất, làm rõ trách nhiệm đầu tư, vận hành, bảo trì và rủi ro trước khi triển khai.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

Là cơ quan đầu mối, tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện; tổng hợp số liệu gốc, chỉ tiêu hằng năm, danh mục mô hình, nhu cầu hạ tầng, chính sách và kinh phí. Phân công công chức theo lĩnh vực, xác định tiến độ và sản phẩm; phối hợp cơ quan chuyên môn thành phố hướng dẫn kỹ thuật, thủ tục và kết nối nguồn lực.

Chủ trì theo dõi sản xuất, an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được giao, OCOP, kinh tế tập thể và liên kết; kiểm tra hồ sơ đất đai, môi trường, đầu tư liên quan theo chức năng. Hướng dẫn thống nhất cách tính chỉ tiêu, cập nhật dữ liệu, kiểm tra kết quả; báo cáo Chủ tịch UBND xã những nội dung vượt thẩm quyền.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

Phối hợp tuyên truyền, đào tạo nghề, chuyển đổi số và phát triển mô hình nông nghiệp gắn dịch vụ, thương mại, trải nghiệm theo chức năng; kết nối hoạt động quảng bá sản phẩm với chương trình văn hóa, du lịch phù hợp. Tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng, đào tạo lao động và phối hợp tổ chức thực hiện.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

Phối hợp theo dõi kết luận chỉ đạo, lịch kiểm tra, hội nghị sơ kết, tổng kết; đôn đốc báo cáo và bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý văn bản. Phối hợp chuẩn bị báo cáo UBND xã trình Đảng ủy, cơ quan cấp trên theo yêu cầu.

4. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, phối hợp thông tin tuyên truyền, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ phục vụ sản xuất; tham gia rà soát hạ tầng. Thực hiện quản lý dự án, công trình hoặc nhiệm vụ dịch vụ công khi có quyết định giao cụ thể; báo cáo tiến độ, chất lượng và khó khăn.

5. Trưởng các thôn

Tuyên truyền, nắm nhu cầu tự nguyện của người sản xuất; phối hợp rà soát diện tích, chủ thể và hạ tầng, xác minh số liệu. Phản ánh vướng mắc, tình hình dịch bệnh, môi trường; phối hợp tổ chức tập huấn, liên kết và giám sát thực hiện, không tự thỏa thuận hoặc giao đất ngoài thẩm quyền.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, Nhân dân tham gia tổ chức sản xuất, hợp tác và liên kết trên cơ sở tự nguyện; giám sát, phản ánh khó khăn và kiến nghị. Đề nghị Hội Nông dân phát huy vai trò kết nối, hỗ trợ người sản xuất, phối hợp xây dựng mô hình phù hợp.

7. Hợp tác xã, doanh nghiệp, trang trại và hộ sản xuất

Chủ động đăng ký nhu cầu, xây dựng phương án sản xuất và liên kết; bảo đảm điều kiện đất đai, môi trường, dịch bệnh, an toàn thực phẩm và hồ sơ liên quan. Thực hiện cam kết, ghi chép sản xuất, cung cấp thông tin phục vụ theo dõi; chịu trách nhiệm hoạt động đầu tư, kinh doanh của mình.

8. Kiểm tra và chế độ báo cáo

Các đơn vị, thôn gửi báo cáo năm trước ngày 05/12 về Phòng Kinh tế; số liệu thực hiện đến hết tháng trước kỳ báo cáo, có ước thực hiện phần thời gian còn lại và cập nhật khi có kết quả chính thức. Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo Đảng ủy trước ngày 25/12; báo cáo cấp trên theo thời hạn được yêu cầu. Báo cáo đột xuất khi phát sinh dịch bệnh, sự cố hoặc vướng mắc cần chỉ đạo.

Báo cáo phải nêu mức đạt chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành, chậm tiến độ, sản phẩm, kinh phí, khó khăn, trách nhiệm và kiến nghị; kèm hồ sơ hoặc dữ liệu kiểm chứng. Phòng Kinh tế tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và tình hình thực tế; tham mưu sơ kết năm 2028, tổng kết năm 2030. Nhiệm vụ chi tiết tại phụ lục kèm theo.

UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, trưởng các thôn tổ chức thực hiện; đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp. Trong quá trình triển khai, khó khăn, vướng mắc được gửi về Phòng Kinh tế để tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị liên quan;
- Các cơ sở thôn, HTX NN;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quyết Thắng